

# TƯ TƯỞNG VÀ PHƯƠNG PHÁP CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH

GS, TS HOÀNG CHÍ BẢO\*

**T**rong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng về chính trị là *nổi bật* và *nổi trội* nhất. Điều này phù hợp với sự nghiệp của Người là sự nghiệp đấu tranh chính trị, *giải phóng dân tộc để phát triển dân tộc* theo lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Với dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Người đã đưa dân tộc ta từ thân phận nô lệ tới tự do và làm chủ. *Tuyên ngôn Độc*



Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh công bố Hiến pháp xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Việt Nam (1-1-1960)

*lập* do Người soạn thảo và tuyên đọc ngày 2-9-1945 là văn kiện chính trị đánh dấu bước ngoặt trọng đại của lịch sử Việt Nam giữa thế kỷ XX, đó là bản cáo chung chế độ thực dân, là Tuyên ngôn khai sinh chế độ mới - dân chủ cộng hòa ở Việt Nam, thành quả vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, bị áp bức bóc lột bởi chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, Hồ Chí Minh là một ngọn cờ

tiêu biểu, người chiến sĩ tiên phong cổ vũ cho khát vọng giải phóng của nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do.

Trong 6 thập kỷ hoạt động cách mạng và đấu tranh chính trị, Hồ Chí Minh đã 30 năm hoạt động ở nước ngoài, đi qua 40 nước khác nhau trên thế giới, làm đủ mọi nghề để sống và tranh đấu, tiếp xúc *trực tiếp* với mọi đối tượng khác nhau, từ người lao động nghèo khổ đến các học giả và chính khách, trải qua bao nhiêu tình huống hiểm nghèo,... Hồ Chí Minh đã thấm thía một lượng tri thức phong phú, không chỉ trong sách vở bằng cách tự

\* Hội đồng Lý luận Trung ương

học mà còn trong trường học vĩ đại là *cuộc sống, để tự trải nghiệm, tổng kết và đúc kết* những chân lý khoa học và cách mạng, những bài học lịch sử.

Do vậy, những tư tưởng của Người, đặc biệt là *tư tưởng chính trị* không chỉ thể hiện sự sâu sắc của một trí tuệ khoa học, của tư duy lý luận mà còn là sự nhạy bén thực tiễn, từ rất sớm đã thấm nhuần quan điểm thực tiễn, quan điểm phát triển và quan điểm đổi mới. Người đã từng khảo nghiệm nhiều lý thuyết, học thuyết và chủ nghĩa để rồi lựa chọn chủ nghĩa Mác-Lênin, lựa chọn con đường cách mạng vô sản, theo đuổi đến cùng lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Lẽ dĩ nhiên, nhà tư tưởng mácxít Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng mácxít sáng tạo, *không biệt phái và giáo điều*. Hồ Chí Minh khi đã đạt tới sự thành thực về tư tưởng, sự trải nghiệm phong phú về vốn sống và kinh nghiệm, đã *dùng lý luận như một phương pháp*, đặc biệt chú trọng tới phương pháp trong hoạt động nghiên cứu lý luận và trong thực tiễn chính trị.

Với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam hành động, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin là nắm vững  *tinh thần và phương pháp* của chủ nghĩa Mác - Lênin để ứng xử với con người và công việc. Người nhận thức rõ, thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là bản chất, là nguyên tắc tối cao của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Theo Hồ Chí Minh, thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành.

Suốt đời mình, Hồ Chí Minh nhất quán với một nguyên tắc, một phương châm và Người là một kiểu mẫu thực hành nguyên tắc,

phương châm ấy trong cuộc sống: nói ít, làm nhiều, lời nói đi đôi với việc làm, đã nói thì phải làm. Làm điều lợi cho dân, tránh điều hại tới dân. Dân là gốc của nước, dân là chủ và làm chủ xã hội. Bao nhiêu lợi ích đều là của dân. Bao nhiêu quyền hành cũng thuộc về dân. Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

Cái gì tốt, cái gì lợi cho dân cái đó là chân lý. Phải chăng là, kiến giải của Hồ Chí Minh về chân lý đã có sự mở rộng từ nhận thức luận khoa học về bản thể sang bình diện đạo đức về cái bản thể ấy, ở đây là một bản thể xã hội, một chủ thể lịch sử - ấy là *dân, nhân dân, quần chúng, đồng bào ...* từ dân tộc tới nhân loại.

Người còn căn dặn cán bộ, đảng viên hết lòng hết sức phục vụ nhân dân là *phục tùng một chân lý cao nhất*, làm đầy tớ trung thành và công bộc tận tụy của dân là *một lẽ sống cao thượng nhất*.

Có thể nói, đây là *triết lý chính trị* của Hồ Chí Minh, một *triết lý nhân sinh, triết lý hành động*.

Hồ Chí Minh có chủ kiến và chủ đích của mình về sự gương mẫu, tấm gương tốt còn quý hơn hàng trăm bài diễn văn. Lãnh đạo bằng sự gương mẫu là cách lãnh đạo tốt nhất, nó cổ vũ quần chúng và giữ được một niềm tin nơi quần chúng. Đảng viên đi trước, làng nước theo sau là vì vậy. Người còn nhấn mạnh đức hy sinh. Trả lời phỏng vấn của các nhà báo nước ngoài, Người đã nói rõ: tôi hiến đời tôi cho nhân dân, cho dân tộc và nhân loại.

Người giải thích rõ, độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do, hạnh phúc cho dân tộc và cho đồng bào tôi - đó là tất cả những gì tôi *muốn*, đó là tất cả những gì tôi *hiểu* về CNXH.

Người đã từng đánh giá cao tính thiết thực, hữu ích, hữu dụng của đường lối chính trị Tôn Trung Sơn trong chủ nghĩa Tam dân của ông: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Người coi chủ nghĩa ấy rất thiết thực cho Việt Nam.

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh nhìn từ *chiều cạnh văn hoá* là cả một *hệ giá trị*: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Con đường đi tới hệ giá trị ấy, đảm bảo đầy đủ và chắc chắn nhất cho hệ giá trị ấy trở thành hiện thực, đó là con đường đi tới CNXH và chủ nghĩa cộng sản.

Trọng trách và sứ mệnh lịch sử để thực hiện hệ giá trị ấy như một hệ giá trị của phát triển bền vững ở Việt Nam trong thời đại ngày nay thuộc về Đảng Cộng sản - một đảng chân chính cách mạng, một đảng tiêu biểu cho đạo đức và văn minh. Đảng ấy, từ hệ tư tưởng đến tổ chức và hoạt động, từ trí tuệ và bản lĩnh của tập thể lãnh đạo và từng cá nhân những người lãnh đạo cho đến những đảng viên của Đảng, *nhất là khi Đảng đã cầm quyền* phải tỏ rõ hai điều cốt yếu: giữ chủ nghĩa cho vững và ít lòng tham muốn về vật chất. Có như vậy mới đủ sáng suốt để dẫn đường, mới đủ nghị lực để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, mới đủ niềm tin và đức hy sinh, để tin vào sức mạnh của dân và dân chủ, hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của nhân dân và dân tộc, mới đủ trung thực và dũng khí để tự phê phán và quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm sai lầm.

Hồ Chí Minh nói về Đảng, vừa chỉ rõ yêu cầu, đòi hỏi vừa cảnh báo nghiêm khắc rằng, một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của

mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính. Trong những tác phẩm cuối đời, đặc biệt là trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh vẫn đặc biệt quan tâm vấn đề đạo đức cách mạng, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân nhưng không hề đồng nhất chủ nghĩa cá nhân với cá nhân, vẫn rất mực quan tâm tới lợi ích, nhu cầu chính đáng của từng người, mỗi cá nhân là một chủ thể mang nhân cách, phải quan tâm phát triển, phải tôn trọng nhân cách và cá tính của từng người. Phê bình công việc chứ không xúc phạm con người. Phải làm cho cái tốt nảy nở như hoa mùa xuân, cái xấu mất dần đi rồi tiến tới chỗ mất hẳn. Đó là chất nhân văn sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Chính trị Hồ Chí Minh, từ tư tưởng đến phương pháp, từ lý luận đến thực tiễn đều thấm nhuần chất nhân văn ấy. Người theo đuổi một đường lối chính trị giải phóng để phát triển, mà chung quy lại là *giải phóng dân tộc để phát triển dân tộc, xây dựng nền chính trị với thiết chế và thể chế dân chủ, hoàn thiện quyền làm chủ của nhân dân, gắn liền với luật pháp với đạo đức, kết hợp pháp trị với đức trị*.

Dù không một lần nào Người đề cập tới khái niệm hệ thống chính trị như chính trị học ngày nay vẫn thường dùng nhưng những thực thể cấu thành hệ thống chính trị thì Người bàn tới một cách cặn kẽ, thấu đáo. Đó là Đảng cầm quyền, Nhà nước dân chủ pháp quyền,

Mặt trận và các đoàn thể, đặc biệt là nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ, của cán bộ, đảng viên, công chức. Cái cốt lõi của chính trị, của chế độ và thể chế chính trị là quyền lực nhà nước do nhân dân uỷ quyền. Chế độ dân chủ thực chất là chế độ uỷ quyền của dân và Nhà nước. Nhà nước thực thi sự uỷ quyền đó để bảo đảm quyền dân chủ và làm chủ của người dân, đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của dân.

Dựa và dân để xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và thực hành dân chủ rộng rãi, nhất là dân chủ trong Đảng là một tư tưởng nổi bật, nhất quán trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Ở Hồ Chí Minh có một sự thống nhất hữu cơ giữa tư tưởng với phương pháp và định hình phong cách của Người. Người diễn đạt phương pháp một cách giản dị, đó là cách làm, cách tổ chức thực hiện, là biện pháp. Tất cả đều nhằm mưu cầu lợi ích và thực hiện quyền lực của nhân dân. Do đó, *khoa học, cách mạng, nhân văn* là bản chất của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Đó là những phác họa khái quát về tư tưởng và phương pháp chính trị Hồ Chí Minh, nhấn mạnh ở mấy điểm:

*Thứ nhất*, tư tưởng chính trị là phần nổi bật và nổi trội trong hệ thống tư tưởng của Người, thuộc về dòng tư tưởng chính trị mácxít ở Việt Nam thế kỷ XX.

*Thứ hai*, ở Hồ Chí Minh, trong hoạt động chính trị cũng như trong mọi lĩnh vực khác, có một sự thống nhất hữu cơ giữa tư tưởng với phương pháp và phong cách.

*Thứ ba*, bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh và tư tưởng chính trị của Người là khoa học - cách mạng và nhân văn.

Từ đó, cần đi sâu nhận biết những nội dung chủ yếu trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh như một hệ thống, như một chỉnh thể. Tư tưởng chính trị của Người là một hệ thống lý thuyết và phương pháp về chính trị, có cấu trúc của nó; trong cấu trúc này ta có thể nhận thấy những mối liên hệ và quan hệ rất chặt chẽ xét về mặt lôgic và lịch sử. Tuy nhiên, quan niệm này chỉ có tính tương đối, bởi tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh như đã nói từ đầu, chỉ là một bộ phận hợp thành của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, dù là bộ phận nổi bật, nổi trội nhất. Mặt khác, trong tư duy và tư tưởng của Người, chính trị không tách rời khỏi các lĩnh vực khác - kinh tế, văn hoá, xã hội. Là một nhà biện chứng mácxít, hơn nữa nét đặc sắc ở Hồ Chí Minh là thực hành phép biện chứng trong các công việc thực tế, là nhà biện chứng thực hành nên Hồ Chí Minh rất chú trọng ứng dụng lý luận vào thực tiễn để kiểm nghiệm, khảo nghiệm lý luận, đồng thời lại dùng lý luận như một phương pháp để tổng kết thực tiễn, phát hiện từ trong thực tiễn lý luận mới, phát triển lý luận nên một trình độ mới.

Thống nhất lý luận với thực tiễn, với phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành, Hồ Chí Minh đã kết hợp "lý luận hoá thực tiễn" với "thực tiễn hoá lý luận". Thực tiễn luôn luôn là *điểm xuất phát* và là *chỗ hướng đích* của lý luận và phương pháp Hồ Chí Minh về chính trị và về tất cả các lĩnh vực khác của đời sống. Chính vì vậy, những kiến giải của Hồ Chí Minh về chính trị cũng như về kinh tế, văn hoá, xã hội, về con người, đất nước, dân tộc và thế giới luôn bám

sát thực tiễn. Người xa lạ với tính tư biện chủ quan, bệnh sách vở và giáo điều - mà xét đến cùng, những căn bệnh này đều do không thấy được bản chất sâu xa của đời sống thực tiễn cũng như không làm chủ được lý luận. Nhận rõ tư duy biện chứng Hồ Chí Minh và phong cách biện chứng thực hành của Hồ Chí Minh để có cơ sở xem xét, đánh giá cấu trúc tư tưởng chính trị của Người, từ đó rút ra những đặc điểm, ý nghĩa và bài học cần vận dụng trong đời mới ngày nay.

Lênin quan niệm rằng, chính trị có tính logic khách quan của nó, không phụ thuộc vào những dự tính của cá nhân này hay cá nhân khác, của đảng này hay đảng khác.

Chính trị cũng có logic nội tại của nó. Biện chứng khách quan và chủ quan là vấn đề căn bản và tổng quát nhất của phương pháp luận triết học ứng dụng vào địa hạt chính trị, trở thành triết học chính trị.

Cũng theo Lênin, người ta cần đến kinh tế để khỏi bị chết đói, cần đến chính trị để tránh rơi vào tự sát (có nghĩa là mất phương hướng, hoạt động phiêu lưu và mù quáng trong chính trị thì tất không tránh khỏi thất bại). Những chỉ dẫn kinh điển ấy được Hồ Chí Minh chú trọng vận dụng một cách sáng tạo trong thực tiễn, đặc biệt ở những tình huống phức tạp, những bước ngoặt của phong trào hoặc những bước chuyển tiếp của tình hình và nhiệm vụ.

Dưới đây có thể hình dung logic hình thành và phát triển tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Một cách khái quát, có thể nhận thấy hệ thống các vấn đề sau đây trong nhận thức và trong hành động chính trị của Người.

*Giải phóng dân tộc và đường lối chính trị chống chủ nghĩa thực dân để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.*

Từ khảo nghiệm thực tiễn ngay trên mảnh đất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, từ sự thấu hiểu và thấu cảm tình cảnh sống của đồng bào mình dưới ách thống trị thực dân, phong kiến, quan sát và nhận rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy chỉ có cách mạng mới thực hiện được mục tiêu giải phóng.

Đó là cách mạng vô sản, là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Đó là mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc. Đó là tính chủ động lịch sử, không chờ đợi thụ động trước hoàn cảnh. *Phải đem sức ta mà giải phóng cho ta.*

Phải làm *cách mạng đến nơi* tức là *triệt để*, theo gương cách mạng Nga và giữ vững chủ nghĩa. Muốn vậy phải có Đảng cách mạng tiên phong nhờ sự dẫn đường của lý luận tiên phong.

Sáng tạo vào bậc nhất của chính trị giải phóng Hồ Chí Minh là giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân đứng vững trên ý thức hệ công nhân, vượt qua ý thức hệ phong kiến và tư sản chủ nghĩa dân tộc là một động lực quan trọng, quyết định miễn là đặt nó trên lập trường chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Sáng tạo ấy đã chấm dứt cuộc khủng hoảng triền miên về đường lối chính trị và con đường cứu nước ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX.

Độc lập dân tộc, độc lập tự do là mục tiêu chính trị hàng đầu của cách mạng Việt Nam, đó cũng là "đĩ bất biến" đầy tính kiên định nguyên tắc của Hồ Chí Minh, là quyết tâm chính trị nổi bật, thu hút hầu hết nỗ lực, tinh lực của Người. Nhất quán, kiên định là phẩm chất, nhân cách chính trị của Người qua mọi chặng đường lịch sử:

- Trước Cách mạng Tháng Tám: dù có phải đốt cháy dãy Trường Sơn cũng phải quyết giành cho được độc lập dân tộc.

- Trong *Tuyên ngôn Độc lập*: quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững nền độc lập tự do.

- Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: thà hy sinh tất cả chứ quyết không chịu làm nô lệ.

- Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: không có gì quý hơn độc lập tự do.

- Trong *Di chúc*: Điều mong muốn cuối cùng của tôi là, toàn Đảng, toàn dân đoàn kết phấn đấu, xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Đường lối chính trị đúng đắn, trí tuệ và mưu lược, cùng với phương pháp chính trị sáng tạo của Hồ Chí Minh đã đưa dân tộc ta đứng vào hàng ngũ của các dân tộc tiên phong trên thế giới đã đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ và mới, mở ra con đường phát triển của Việt Nam trong thời kỳ mới.

Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là quy luật của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới, là phát triển lý luận chính trị lớn nhất của Hồ Chí Minh trên tư cách nhà tư tưởng.

*Quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng CNXH phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam*

Đây là con đường, phương thức phát triển của Việt Nam trong thời đại mới, là *phát triển dân tộc Việt Nam* phù hợp với yêu cầu của thời đại, xu thế phát triển của lịch sử thế giới.

Kiến giải của Hồ Chí Minh về CNXH Việt Nam và xây dựng CNXH ở Việt Nam là thuộc về những kiến giải lý luận chính trị. Người nhận thấy con đường phát triển xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một tất yếu lịch sử, là đảm bảo đầy đủ, thực chất và bền vững cho độc lập dân tộc của Việt Nam.

Người cũng nhận thấy những tiền đề của CNXH ở Việt Nam chín muồi dần dần, trước hết là tiền đề chính trị, là giải phóng dân tộc, đạt tới tự do chính trị và quyền tự quyết dân tộc.

Đó là một quá trình lâu dài, khó khăn, phức tạp, do chính *đặc điểm to nhất* chi phối - bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Cải tạo những tàn tích phong kiến thực dân và xây dựng chế độ mới là một quá trình cải biến cách mạng. Cách mạng là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu xa, lạc hậu, lỗi thời đổi ra cái tiến bộ, tốt đẹp. Sự nghiệp đó cần đến sức mạnh của toàn dân và sự giúp đỡ quốc tế. Do đó phải học kinh nghiệm quốc tế nhưng trên tinh thần sáng tạo, không sao chép máy móc, giáo điều.

Chú trọng phát triển kinh tế và văn hoá. Chú trọng vai trò của lý luận và khoa học. CNXH cộng với khoa học là một sức mạnh vô tận.

Hai điểm rất quan trọng trong tư duy lý luận Hồ Chí Minh về CNXH: sự nghiệp của

dân và vì hạnh phúc của dân. Bản chất, mục tiêu động lực của CNXH quy tụ ở vấn đề con người, sức sáng tạo của nhân dân và dân tộc.

Phát triển mới của Hồ Chí Minh về CNXH là đem vào lý luận CNXH *một tiếp cận đạo đức học*. CNXH là đối lập với chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng xã hội chủ nghĩa là đối lập với tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Muốn xây dựng thành công CNXH phải đánh bại chủ nghĩa cá nhân. Muốn xây dựng CNXH trước hết cần có con người mới xã hội chủ nghĩa, có tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Đảm bảo cho CNXH không chỉ là kinh tế và chính trị mà còn là *đạo đức và văn hoá*.

Một nét mới trong tư duy chính trị Hồ Chí Minh về CNXH là nhìn nhận CNXH như một kiểu chế độ xã hội mới, theo quan điểm phát triển và đổi mới: *một xã hội giàu có, khuyến khích sự giàu có bằng lao động, một xã hội phát triển và đổi mới, dân tộc thông thái và xã hội văn hoá cao*. *Di chúc* nói ít nhất về CNXH xét về câu chữ nhưng lại thể hiện được điều thực chất, sâu sắc nhất về CNXH theo nội dung tư tưởng. *Di chúc là một thiết kế lý luận đổi mới bao hàm cả quan niệm về đổi mới như một định nghĩa khoa học*. Người trù tính cho tương lai phát triển của đất nước sau khi cách mạng miền Nam hoàn toàn thắng lợi.

Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ là xác định mục tiêu mà còn phải vận dụng đúng cách làm, biện pháp, bước đi sao cho thích hợp, không làm bừa, làm ẩu. Đó là một triết lý phát triển hài hoà. Theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng CNXH phải sao cho *đúng quy luật*

(khoa học), *thuận lòng dân* (tính nhân dân, dân tộc), lại phải *hợp với thời đại*.

#### *Dân chủ và thực hành dân chủ*

Chỉ với định nghĩa ngắn gọn, cô đúc về dân chủ: *dân là chủ và dân làm chủ*, Hồ Chí Minh đã làm rõ bản chất, thực chất của dân chủ, đã dường như cách mạng hoá nhận thức về dân chủ. Ý thức hệ phong kiến coi dân chủ là chủ của dân, cùng lắm cũng chỉ đạt đến *thân dân* và điều ấy lại phụ thuộc vào phẩm cách của người bề trên nắm giữ quyền lực, đem lòng thương dân mà đối xử với những thân dân, thứ dân, thảo dân ở bên dưới, như một ơn huệ, ban phát mà thôi. Dân chủ tư sản chỉ thuộc về một số ít, những người thuộc tầng lớp hữu sản. Với Hồ Chí Minh, dân là quý nhất trong bầu trời này và *dân chủ là của quý báu nhất trên đời của dân*. Vậy là, dân chúng số đông là *chủ sở hữu dân chủ, chủ sở hữu nhà nước, dân phải giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của nhà nước do mình ủy thác*.

Dân chủ đối lập với quan liêu, tham nhũng. Chỉ tẩy trừ được quan liêu tham nhũng khi thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong Nhà nước.

Dân chủ không chỉ là giá trị, là thành quả của đấu tranh giải phóng mà còn là thước đo của tiến bộ và phát triển, là động lực của phát triển xã hội, là chìa khoá vạn năng để giải quyết mọi khó khăn.

Với Hồ Chí Minh, dân chủ mang đặc trưng *pháp lý và nhân văn*, đó không chỉ là giá trị, mà còn là nguyên tắc của tổ chức và vận hành của bộ máy, của thể chế. Người đưa ra khái

niệm *dân chủ tập trung* như một nguyên tắc, một chế độ để thi hành trong Đảng và Nhà nước. Nó thống nhất về bản chất với quan niệm kinh điển mác xít về *tập trung dân chủ* nhưng vẫn có những sắc thái khác biệt. Dân chủ là cơ sở, mục đích mà tập trung là phương thức và điều kiện để thực hiện dân chủ.

Dân chủ tập trung và tập trung dân chủ đối lập với tập trung quan liêu, xa lạ với thói tự do vô chính phủ, nó cũng không có một chút gì chung với dân chủ hình thức. Để có dân chủ thực chất cần phải khắc phục dân chủ hình thức, đấu tranh chống lại những vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân.

Dân chủ là vấn đề thuộc về bản chất của CNXH, của Đảng và Nhà nước. Hồ Chí Minh nhấn mạnh dân chủ và thực hành dân chủ trong Đảng và trong Nhà nước, trong quan hệ lãnh đạo của Đảng với quản lý của Nhà nước và với Mặt trận, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Muốn đảm bảo dân chủ phải gắn liền dân chủ với pháp luật, kỷ luật và kỷ cương. Phải thực hành *trọng dân* và *trọng pháp*. Phải chăm lo *dân sinh, dân trí* để thực hiện *dân quyền* và đảm bảo *dân chủ*, giải quyết tốt mối quan hệ giữa quyền và lợi ích, giữa lợi ích với trách nhiệm, nghĩa vụ và bổn phận. Đề cao trách nhiệm của Đảng, của Nhà nước với nhân dân.

Phải công phu trong giáo dục ý thức dân chủ và làm chủ cho cán bộ, đảng viên, công chức và quần chúng nhân dân, phải chống lại những biểu hiện "quan chủ" và thói "lên mặt quan cách mạng" trong quan hệ, cư xử với nhân dân của những người trong bộ máy công quyền.

Dân chủ còn là cơ sở, tiền đề, điều kiện để thực hiện đại đoàn kết dân tộc và phát huy đồng thuận xã hội.

#### *Đoàn kết và đại đoàn kết dân tộc*

Đây là vấn đề chiến lược của cách mạng. Không thực hiện đoàn kết thì không có sức mạnh, không có lực lượng. Đoàn kết trong Đảng phải được giữ gìn từ Trung ương tới các chi bộ, như giữ gìn con người của mắt mình.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh to lớn đảm bảo cho thắng lợi của cách mạng, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, trong Đảng và trong xã hội. Đoàn kết còn là *một chính sách chính trị*, là *động lực của phát triển*. Sức mạnh đoàn kết và đại đoàn kết hợp thành từ lý trí đến tình cảm, niềm tin và hành động, được đảm bảo và thúc đẩy bởi khoa học, đạo đức, văn hoá và luật pháp, được thể hiện thành các phong trào, tập hợp lực lượng, có chính sách và giải pháp để duy trì và thúc đẩy.

Đoàn kết và đại đoàn kết là một tư tưởng chính trị đặc sắc của Hồ Chí Minh.

Người đã thực hành tư tưởng đó một cách mẫu mực và công phu gây dựng, chăm lo, phát triển sức mạnh đoàn kết từ trong Đảng, trong Nhà nước, nhân dân và xã hội.

Muốn thực hiện đại đoàn kết phải có thái độ chân thành thiện chí, phải bình đẳng và dân chủ, không chỉ chú trọng tư tưởng mà còn phải vận dụng tốt các phương pháp. Người nêu lên các chuẩn mực *đúng* và *khéo*, phát hiện ra khả năng sáng tạo dồi dào, phong phú của dân, đẩy mạnh công tác dân vận, không sót một người nào, không phí phạm một khả năng nào, dù nhỏ nhất. Trong



tư tưởng và hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã tạo ra mối liên hệ lôgic chính thể và thực hiện cái chính thể ấy một cách nhất quán, lấy việc làm, hành động để thuyết phục, để minh chứng. Đó là mối liên hệ từ *dân đến dân chủ, đến dân vận và đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Đó còn là đoàn kết quốc tế, có nguyên tắc, có lý có tình, làm bạn bè tin cậy của các nước dân chủ. Đoàn kết và đại đoàn kết phải dựa trên một nền tảng của văn hoá khoan dung, tin cậy và tôn trọng lẫn nhau.

*Xây dựng chế độ dân chủ, phát huy quyền làm chủ của dân phải đặc biệt chú trọng tổ chức bộ máy và con người, đó là nguồn nhân lực của thể chế, cán bộ, đảng viên và công chức.*

Nổi bật trong vấn đề này là xây dựng, chỉnh đốn Đảng sao cho xứng đáng là một Đảng chân chính cách mạng và một Nhà nước pháp quyền dân chủ. Người viết rất nhiều về xây dựng Đảng, vạch rõ 12 điều xây dựng Đảng chân chính cách mạng trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947). Người nói tới phong cách lãnh đạo của Đảng khi cầm quyền. Người nói về Nhà nước với nền luật pháp nghiêm minh, trừng trị tất cả những kẻ bất liêm. Bốn lần Người nhắc tới chữ "thật" trong *Di chúc* đối với Đảng cầm quyền. Người xác định rõ thái độ công minh của Nhà nước, để thực sự vì dân thì phải nghiêm trị mọi hành vi gây tổn hại tới lợi quyền của dân. Mức án cao nhất cho những tội phạm quốc hại dân Người đều ghi rõ là tử hình. *Kỷ luật công vụ và đạo đức công chức* luôn được Người đề cao, sao cho công chức phải thạo chính trị, giỏi chuyên môn, tận tụy

phục vụ nhân dân. Phải coi chính sách của Nhà nước là đạo lý, đạo nghĩa lớn nhất của Chính phủ.

Cũng như vậy, các tổ chức đoàn thể của dân phải chăm lo tranh đấu cho quyền lợi của dân, giáo dục ý thức nghĩa vụ cho công dân, phải thực sự thấu hiểu và thấu cảm đời sống của dân. Các đoàn thể phải góp vào sự trưởng thành của mỗi đoàn viên, hội viên về chính trị, người dân tham chính (tham gia hoạt động chính trị) với tất cả tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm và năng lực sáng tạo.

Ngày nay, chúng ta coi Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, đó là *cơ chế làm chủ* của nhân dân. Thật ra, đây là *một quy tắc chính trị tổng quát* để chỉ dẫn thực hành dân chủ trong xã hội mà nhân dân làm chủ. Đây cũng là vấn đề thuộc về mối quan hệ giữa thẩm quyền và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước với nhân dân. Nó phải được thể chế hoá thành luật và xác lập các chuẩn mực để thực hiện, các tiêu chí để đánh giá.

#### *Văn hóa chính trị*

Người từng nhấn mạnh, văn hoá ở trong kinh tế và chính trị, lại phải làm cho chính trị thấm sâu vào đời sống dân gian. Đưa hoạt động chính trị lên tầm văn hoá, đạt tới các chuẩn mực văn hoá, hoạt động tham chính của mọi người dân và trách nhiệm của những người được dân uỷ quyền phải trở thành nhu cầu tự giác, sáng tạo.

Muốn cho chính trị trở thành văn hoá chính trị thì chính trị phải dựa trên *đoàn kết* và *thanh khiết*, phải dựa trên các trụ cột: khoa học - đạo

đức - luật pháp. Dân chủ phải thấm sâu vào mọi quan hệ tổ chức và con người. Chính trị là đạo đức, văn minh, là khoa học và nghệ thuật, là sự ứng xử tinh tế, tôn trọng nhân cách từng người một.

Nhân cách văn hoá của người lãnh đạo, cầm quyền, quản lý phải thực sự có sức nêu gương cổ vũ, thuyết phục mọi người.

Nền chính trị dựa trên dân chủ pháp quyền, chính trị vì dân và bảo vệ dân, người làm chính trị là người chẳng những có trí tuệ khoa học mà còn có đạo đức, có bản lĩnh để suốt đời tận tâm tận lực phục vụ dân, cũng như dân đã có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ của người chủ - đó là văn hoá chính trị.

Văn hoá chính trị có khả năng sửa chữa mọi thứ phù hoa, xa xỉ, lãng phí quan liêu, tham nhũng. Văn hoá chính trị kết hợp truyền thống với hiện đại. Có văn hoá chính trị của toàn dân, của cả xã hội, có văn hoá chính trị từng tổ chức, từng cá nhân có sự mẫu mực, trung thành, tận tụy của các nhân cách chính trị, biết trau dồi và thực hành cần kiệm liêm chính, nhân, trí, dũng liêm, trung. Văn hoá chính trị là sức mạnh chống lại mọi thứ xấu xa, hư hỏng, lỗi thời, tha hoá, biến dạng.

Còn nhiều vấn đề khác, nhưng sáu điểm nêu trên là những yếu tố rất cơ bản trong cấu trúc tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, gắn liền với phương pháp chính trị Hồ Chí Minh, cần nhận thức đúng, cần vận dụng và phát triển sáng tạo.

Nội dung nào, phương pháp ấy. Sự tương thích này cho thấy tính biện chứng, sự thâm nhập và biểu hiện lẫn nhau giữa tư

tưởng với phương pháp trong chính trị Hồ Chí Minh.

Tư tưởng và phương pháp chính trị Hồ Chí Minh đồng thời cũng là phong cách của Người thể hiện rõ những đặc điểm sau đây, được quy ước là chính trị Hồ Chí Minh:

- Đó là chính trị *thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cách mạng*, vì con người và sự phát triển nhân cách tự do, sáng tạo của con người. Ở đây không chỉ là con người cá nhân mà là cả cộng đồng xã hội. Giải phóng sức dân, phát triển sức dân, bồi dưỡng sức dân, tiết kiệm sức dân.

- Đó là chính trị *dân chủ pháp quyền*, thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Đó là chính trị *phát triển*, nhất quán với hệ giá trị độc lập – tự do - hạnh phúc.

- Đó là chính trị *đổi mới và sáng tạo*.

- Đó là chính trị *thực tiễn*, chính trị *hành động*.

Tư tưởng – phương pháp – phong cách chính trị Hồ Chí Minh chứa đựng những giá trị đặc sắc và nổi bật trong di sản mà Người để lại, gợi mở cho sự nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn đổi mới ngày nay của Việt Nam.

Có thể và cần phải nghiên cứu di sản mà Người để lại trên một trình độ khái quát sâu sắc hơn để thấy ở Hồ Chí Minh là sự thống nhất hữu cơ giữa *học thuyết - chủ thuyết* và *triết lý* của Người. Đó là học thuyết *giải phóng* – chủ thuyết *phát triển* và triết lý *hành động* vì độc lập - tự do - hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc Việt Nam.